

## **Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



# Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 43

# Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2000, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Công ty được hình thành từ việc cổ phần hóa Công ty Đầu tư - Kinh doanh Nhà, đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch ITC theo Quyết định số 115/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư kinh doanh địa ốc và cung cấp các dịch vụ có liên quan; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 18 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Thuận	Chủ tịch
Ông Võ Hữu Hải	Thành viên
Bà Đặng Thị Ngọc Tuyền	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh	Thành viên
Ông Trần Hữu Khánh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Liên	Trưởng ban kiểm soát
Ông Lê Quang Sơn	Thành viên
Bà Hồ Thị Lưu	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hữu Chí	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Minh Thuận.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư – Kinh doanh Nhà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chay mặt Ban Giám đốc:



Trương Minh Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60792124/20266758/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.189.613.968.193</b>	<b>3.080.642.514.468</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>112.350.986.188</b>	<b>45.266.230.986</b>
111	1. Tiền		47.350.986.188	20.266.230.986
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.000.000.000	25.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>307.382.413.848</b>	<b>287.173.753.855</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	83.499.257.448	171.376.332.862
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	102.711.604.302	116.022.605.998
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	135.335.676.822	14.259.110.719
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(14.164.124.724)	(14.484.295.724)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>2.750.121.729.892</b>	<b>2.731.509.169.921</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.766.643.942.744	2.748.031.382.773
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.522.212.852)	(16.522.212.852)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>19.758.838.265</b>	<b>16.693.359.706</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	19.758.838.265	16.693.359.706

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>297.500.318.864</b>	<b>441.734.803.631</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>18.557.275.422</b>	<b>10.942.914.392</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	3.426.095.449	3.528.095.449
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	21.237.926.801	13.623.565.771
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	5, 7	(6.106.746.828)	(6.208.746.828)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>62.206.783.159</b>	<b>60.619.616.773</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	24.283.087.901	22.695.921.515
222	Nguyên giá		52.650.406.784	49.638.243.148
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(28.367.318.883)	(26.942.321.633)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.923.695.258	37.923.695.258
228	Nguyên giá		37.923.695.258	37.923.695.258
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>45.830.021.183</b>	<b>47.171.562.797</b>
231	1. Nguyên giá		67.077.080.348	67.077.080.348
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(21.247.059.165)	(19.905.517.551)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	<b>2.835.163.636</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.835.163.636
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>161.432.136.096</b>	<b>312.538.313.139</b>
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		127.601.816.096	278.707.993.139
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.755.320.000	42.755.320.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.925.000.000)	(8.925.000.000)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.474.103.004</b>	<b>7.627.232.894</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		374.758.789	405.323.608
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	9.099.344.215	7.221.909.286
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.487.114.287.057</b>	<b>3.522.377.318.099</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.950.376.629.349</b>	<b>1.943.698.840.926</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.155.893.371.843</b>	<b>1.273.489.466.491</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	73.325.633.212	79.438.301.509
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	322.248.112.716	399.336.258.704
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.622.387.272	14.198.486.037
314	4. Phải trả người lao động		1.763.015.000	1.053.885.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	59.931.088.537	70.271.938.491
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		603.544.851	335.317.967
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	86.996.387.778	39.613.118.308
320	8. Vay ngắn hạn	20	593.678.695.810	661.721.016.561
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9.251.212.232	6.593.774.479
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		473.294.435	927.369.435
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>794.483.257.506</b>	<b>670.209.374.435</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	16	438.324.811.231	298.474.899.790
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		5.462.272.538	5.462.272.538
337	3. Phải trả dài hạn khác	19	3.341.233.840	3.820.892.240
338	4. Vay dài hạn	20	344.723.978.533	359.755.293.503
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		2.630.961.364	2.696.016.364
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.536.737.657.708</b>	<b>1.578.678.477.173</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.536.737.657.708</b>	<b>1.578.678.477.173</b>
411	1. Vốn cổ phần đã góp	21.1	690.866.880.000	690.866.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		690.866.880.000	690.866.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	748.683.126.824	748.683.126.824
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	21.1	470.571.611	470.571.611
415	4. Cổ phiếu quỹ	21.1	(9.825.117.611)	(9.825.117.611)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	63.411.110.933	59.452.912.036
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	34.087.729.403	79.061.231.305
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (lũy kế) đến cuối kỳ trước		6.542.651.282	(102.746.639)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ này		27.545.078.121	79.163.977.944
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.043.356.548	9.968.873.008
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.487.114.287.057</b>	<b>3.522.377.318.099</b>



Phạm Văn Khanh  
Người lập



Đoàn Hữu Chí  
Kế toán trưởng





Trương Minh Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	245.973.585.480	289.466.039.140
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(210.648.509.019)	(231.271.427.873)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.325.076.461	58.194.611.267
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	9.342.162.976	1.335.580.436
22	5. Chi phí tài chính	24	(1.824.469.895)	(462.022.100)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.674.942.626)	(462.022.100)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết	13.1	1.272.286	267.159.522
25	7. Chi phí bán hàng	25	(3.557.276.384)	(3.678.396.542)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(13.767.538.814)	(14.959.468.327)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.519.226.630	40.697.464.256
31	10. Thu nhập khác	26	8.624.286.614	5.884.095.103
32	11. Chi phí khác	26	(6.240.625.403)	(2.890.285.138)
40	12. Lợi nhuận khác	26	2.383.661.211	2.993.809.965
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.902.887.841	43.691.274.221
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.283.174.435)	(1.228.548.898)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	1.877.434.929	894.967.388
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		27.497.148.335	43.357.692.711
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		27.545.078.121	42.665.135.722
62	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(47.929.786)	692.556.989
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	401	622
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	401	622

Phạm Văn Khanh  
Người lập

Đoàn Hữu Chí  
Kế toán trưởng



Trương Minh Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>27.902.887.841</b>	<b>43.691.274.221</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 12	2.766.538.864	2.581.920.085
03	Các khoản dự phòng		2.170.211.753	1.551.006.952
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.326.779.536)	(1.438.136.932)
06	Chi phí lãi vay	24	1.674.942.626	462.022.100
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>25.187.801.548</b>	<b>46.848.086.426</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		131.447.045.898	(38.482.254.710)
10	Giảm hàng tồn kho		31.915.547.843	7.033.930.510
11	Tăng các khoản phải trả		52.116.195.256	203.797.045.735
12	Tăng chi phí trả trước		(3.034.913.740)	(3.949.683.311)
14	Tiền lãi vay đã trả		(62.140.668.394)	(76.792.330.839)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.874.571.924)	(927.185.715)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>172.616.436.487</b>	<b>137.527.608.096</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(177.000.000)	(4.689.918.182)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(31.115.840.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		138.524.328	-
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		1.246.294.019	1.170.977.410
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>1.207.818.347</b>	<b>(34.634.780.772)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	20	232.121.670.130	67.085.125.551
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(315.195.305.851)	(162.350.069.471)
36	Tiền trả cổ tức		(23.665.863.911)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(106.739.499.632)</b>	<b>(95.264.943.920)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		67.084.755.202	7.627.883.404
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		45.266.230.986	50.855.004.269
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	112.350.986.188	58.482.887.673



Phạm Văn Khanh  
Người lập



Đoàn Hữu Chí  
Kế toán trưởng



Trương Minh Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư – Kinh doanh Nhà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“CNĐKKD”) số 4103000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2000, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Công ty được hình thành từ việc cổ phần hóa Công ty Đầu tư - Kinh doanh Nhà, đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch ITC theo Quyết định số 115/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư kinh doanh địa ốc và các dịch vụ có liên quan; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 18 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một công ty con, Công ty Cổ phần Xây dựng Intresco (“IC”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310626100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 2 năm 2011. Trụ sở đăng ký của IC tại số 20 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 85% vốn chủ sở hữu của IC.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 126 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 154 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho – hàng hóa bất động sản**

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho - bất động sản tồn kho (tiếp theo)**

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất có thể xảy ra đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	13 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	7 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Đất và nhà	25 – 50 năm
------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoản thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài Chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trích lập trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bất động sản*

Một bất động sản được xem như là đã bán khi các rủi ro trọng yếu và việc hoàn trả chuyển sang cho người mua, thường là trùng với chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với trường hợp có điều kiện trao đổi, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.16 Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Nhóm công ty là đầu tư kinh doanh địa ốc và cung cấp các dịch vụ có liên quan; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về loại hình kinh doanh mà Nhóm công ty kinh doanh hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	10.767.185.775	8.958.104.241
Tiền gửi ngân hàng	36.583.800.413	11.308.126.745
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>65.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>112.350.986.188</u></b>	<b><u>45.266.230.986</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc dưới ba tháng và được hưởng tiền lãi với lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>83.499.257.448</b>	<b>171.376.332.862</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Khang Nam	9.364.490.403	9.364.490.403
Công ty Cổ phần Xây Dựng Thương Mại Thái Dương	8.100.000.000	8.100.000.000
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> ) Công ty TNHH Xây Dựng Nam Hải	1.315.610.000	1.315.610.000
Các khách hàng khác	64.719.157.045	12.647.143.000
	139.949.089.459	139.949.089.459
<b>Dài hạn</b>	<b>3.426.095.449</b>	<b>3.528.095.449</b>
Phải thu các bên khác	3.426.095.449	3.528.095.449
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.925.352.897</b>	<b>174.904.428.311</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.164.124.724)	(14.484.295.724)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(3.388.346.579)	(3.490.346.579)

*Chi tiết phải thu khách hàng được trình bày như sau:*

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ bán đất nền và căn hộ (*)	62.488.153.896	137.090.009.642
Phải thu từ cung cấp dịch vụ xây dựng	20.402.950.122	33.365.590.122
Phải thu từ hoạt động khác	608.153.430	920.733.098
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>83.499.257.448</b>	<b>171.376.332.862</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu từ cung cấp dịch vụ xây dựng	1.130.613.959	1.130.613.959
Phải thu từ hoạt động khác	2.295.481.490	2.397.481.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.426.095.449</b>	<b>3.528.095.449</b>

(\*) Phải thu từ bán đất nền và căn hộ chủ yếu bao gồm các khoản phải thu (i) 5%-10% số tiền còn lại trong khi chờ thủ tục pháp lý về chuyển quyền sở hữu đất và nhà hoặc (ii) giá trị còn lại trên tổng giá trị hợp đồng mua bán. Các khoản phải thu chi tiết theo dự án như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dự án The Stars Village, Long Thới – Nhà Bè (ii)	46.686.323.914	120.958.409.587
Dự án 6B (i)	9.906.561.765	10.103.728.389
Cao ốc Thịnh Vượng (i)	2.133.636.000	2.230.239.449
Dự án Phong Phú (i)	2.065.760.000	2.101.760.000
Cao ốc An Khang (i)	1.674.032.217	1.674.032.217
Dự án Bình Hòa (i)	21.840.000	21.840.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.488.153.896</b>	<b>137.090.009.642</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các khoản ứng trước không tính lãi cho các nhà thầu và các cơ quan Nhà nước liên quan đến các dự án phát triển bất động sản như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần gạch ngói Long Bình – Dự án Long Bình, Quận 9	19.899.197.600	19.899.197.600
Công ty TNHH Sài Gòn Viễn Đông – Lô số 7, dự án 6B	12.927.603.431	12.927.603.431
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông – dự án Thiên Phú, Đắk Nông	-	20.300.000.000
Các nhà cung cấp khác	57.312.040.516	50.323.042.212
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	12.572.762.755	12.572.762.755
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>102.711.604.302</u></b>	<b><u>116.022.605.998</u></b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>135.335.676.822</b>	<b>14.259.110.719</b>
Bà Lại Thị Hoàng Yến	97.076.355.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp của các dự án bất động sản (*)	26.594.760.000	7.444.760.000
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông – Dự án Thiên Phú, Đắk Nông	20.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ lớn	4.500.000.000	5.650.000.000
- Công ty Cổ phần May Thăng Long	1.794.760.000	1.794.760.000
Khác	11.664.561.822	6.814.350.719
<b>Dài hạn</b>	<b>21.237.926.801</b>	<b>13.623.565.771</b>
Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Ngọc Phúc	16.983.965.194	8.522.604.164
Khác	4.253.961.607	5.100.961.607
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>156.573.603.623</u></b>	<b><u>27.882.676.490</u></b>
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2.718.400.249)	(2.718.400.249)
Trong đó:		
Các bên khác	154.980.702.016	25.442.774.883
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.592.901.607	2.439.901.607

(\*) Ban Giám đốc Công ty đã quyết định chấm dứt việc đầu tư của Công ty vào các dự án bất động sản của các đơn vị trên. Do đó, khoản ứng trước vào các đơn vị này trong các năm trước được thỏa thuận hoàn trả lại cho Công ty căn cứ vào các văn bản có liên quan.

## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện chi phí đầu tư xây dựng dở dang cho các dự án bất động sản đang triển khai như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Terra Royal (i)	1.634.278.050.815	-	1.461.779.471.548	-
Dự án The Stars Village, Long Thới – Nhà Bè (ii)	728.166.373.783	-	863.384.213.582	-
Dự án 6A	132.014.907.652	-	131.864.913.107	-
Dự án Long Phước, Quận 9 (iii)	116.057.729.964	-	115.974.275.419	-
Dự án Bình Trưng Đông – Quận 2	28.848.790.056	-	28.848.790.056	-
Lô 6, 7 & 8 – Dự án 6B	22.569.225.092	-	22.686.185.968	-
Các dự án khác	104.708.865.382	(16.522.212.852)	123.493.533.093	(16.522.212.852)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.766.643.942.744</b>	<b>(16.522.212.852)</b>	<b>2.748.031.382.773</b>	<b>(16.522.212.852)</b>

(i) Một số quyền sử dụng đất tại dự án Terra Royal, Đường Lý Chính Thắng, Quận 3 đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

(ii) Một số quyền sử dụng đất tại dự án The Stars Village, Long Thới – Nhà Bè đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

(iii) Một số quyền sử dụng đất tại dự án Long Phước, Quận 9 đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

### 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÁN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí hoa hồng môi giới Khác	19.048.277.250	-	16.147.416.768	-
	710.561.015	-	545.942.938	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.758.838.265</b>	<b>-</b>	<b>16.693.359.706</b>	<b>-</b>



## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	28.349.789.734	14.190.246.455	5.657.467.366	1.440.739.593	49.638.243.148
Mua trong kỳ	-	42.000.000	-	135.000.000	177.000.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	2.636.363.636	-	198.800.000	2.835.163.636
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	28.349.789.734	16.868.610.091	5.657.467.366	1.774.539.593	52.650.406.784
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	4.280.813.180	2.187.061.357	3.840.210.043	1.400.394.544	11.708.479.124
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	14.141.605.501	6.356.879.004	5.169.977.142	1.273.859.986	26.942.321.633
Khấu hao trong kỳ	481.379.550	820.843.144	95.258.184	27.516.372	1.424.997.250
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	14.622.985.051	7.177.722.148	5.265.235.326	1.301.376.358	28.367.318.883
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	14.208.184.233	7.833.367.451	487.490.224	166.879.607	22.695.921.515
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	13.726.804.683	9.690.887.943	392.232.040	473.163.235	24.283.087.901

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Số tiền này thể hiện quyền sử dụng đất tại số 16 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, quyền sử dụng đất tại số 20 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1 và quyền sử dụng đất tại Lô B16, Khu dân cư 13E, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh với giá trị lần lượt là 26.471.477.820 VND, 11.101.600.430 VND và 350.617.008 VND.

Quyền sử dụng đất tại số 16 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1 và số 20 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 20*).

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

VND  
Đất và nhà (\*)

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2018 67.077.080.348

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 19.905.517.551

Hao mòn trong kỳ 1.341.541.614

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 21.247.059.165

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 47.171.562.797

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 45.830.021.183

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, các bất động sản này hiện đang được cho thuê và tạo ra doanh thu. Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư vẫn lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

(\*) Bao gồm trong đất và nhà, quyền sử dụng đất và tài sản của các mặt bằng thuộc cao ốc An Khang, Phường An Phú An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 20*).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 531 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2 đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 20*).

**Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	4.791.256.941	4.935.511.391
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	<u>(1.575.985.744)</u>	<u>(2.338.183.165)</u>
Số tiền thuần	<u>3.215.271.197</u>	<u>2.597.328.226</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 13.1)	127.601.816.096	278.707.993.139
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)	42.755.320.000	42.755.320.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(8.925.000.000)	(8.925.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>161.432.136.096</u></b>	<b><u>312.538.313.139</u></b>

**13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	% sở hữu và % quyền biểu quyết	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Bình Dương ("SGBD") (*)	64,32	64,38
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Xây dựng Long Bình ("LB")	36,36	36,36
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phạm Gia ("PG")	-	46,19

(\*) Tỷ lệ quyền sở hữu của Nhóm Công ty vào SGBD tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ là 64,32% tính trên cơ sở vốn thực góp (tỷ lệ vốn góp theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là 37,37%). Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty trình bày khoản đầu tư vào SGBD là đầu tư vào công ty liên kết căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 8 năm 2017, các cổ đông của SGBD đã cam kết sẽ tiếp tục góp đủ vốn theo tỷ lệ trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh. Do vậy, SGBD sẽ không trở thành công ty con của Công ty.

## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được trình bày như sau:

	PG	SGBD	LB	VND Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	150.968.925.000	112.199.143.238	21.000.000.000	284.168.068.238
Giảm trong kỳ	(150.968.925.000)	-	-	(150.968.925.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	112.199.143.238	21.000.000.000	133.199.143.238
<b>Phần lỗ lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	(3.234.451.071)	(2.225.624.028)	(5.460.075.099)
Cổ tức	-	-	(138.524.329)	(138.524.329)
Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết	-	(159.966.403)	161.238.689	1.272.286
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	(3.394.417.474)	(2.202.909.668)	(5.597.327.142)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	150.968.925.000	108.964.692.167	18.774.375.972	278.707.993.139
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	108.804.725.764	18.797.090.332	127.601.816.096

## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018			Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	34.000.000.000	2.125.000	5,31	34.000.000.000	2.125.000	5,31
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bắc Trung Nam	5.466.500.000	54.665	10,93	5.466.500.000	54.665	10,93
Công ty Cổ phần Sài Gòn Măng Đen	3.100.000.000	310.000	1,61	3.100.000.000	310.000	1,61
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	188.820.000	18.882	0,06	188.820.000	18.882	0,06
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.755.320.000</b>			<b>42.755.320.000</b>		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(8.925.000.000)			(8.925.000.000)		
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>33.830.320.000</b>			<b>33.830.320.000</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ ĐI VAY**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Vốn hóa vào giá trị dự án bất động sản	50.528.107.814	53.747.946.362
Chi phí lãi vay trong kỳ ( <i>Thuyết minh số 24</i> )	1.674.942.626	462.022.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>52.203.050.440</u></b>	<b><u>54.209.968.462</u></b>

**15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Phải trả cho các đối tượng khác	71.764.978.667	77.877.646.964
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thép Hải Hưng	17.016.791.017	16.225.772.804
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Phú Sương	15.751.024.999	17.256.898.882
- Các nhà cung cấp khác	38.997.162.651	44.394.975.278
Phải trả cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	1.560.654.545	1.560.654.545
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>73.325.633.212</u></b>	<b><u>79.438.301.509</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Người mua trả tiền trước thể hiện các khoản ứng trước của khách hàng mua căn hộ và đất  
nền các dự án của Công ty như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>322.248.112.716</b>	<b>399.336.258.704</b>
Dự án The Stars Village, Long Thới - Nhà Bè	281.760.417.413	298.379.469.311
Lô 6, 7 & 8 - Dự án 6B	19.333.718.973	17.554.360.673
Nhận tạm ứng liên quan đến việc chuyển nhượng trong tương lai phần vốn góp tại công ty Phạm Gia	-	64.387.570.000
Các dự án khác	21.153.976.330	19.014.858.720
<b>Dài hạn</b>	<b>438.324.811.231</b>	<b>298.474.899.790</b>
Dự án Terra Royal	285.809.844.687	145.242.173.311
Dự án 6A	109.530.829.000	109.799.029.000
Lô 6, 7 & 8 - Dự án 6B	24.223.018.700	23.107.818.700
Dự án Bình Trưng Đông, Quận 2	8.601.378.000	8.601.378.000
Các dự án khác	10.159.740.844	11.724.500.779
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>760.572.923.947</u></b>	<b><u>697.811.158.494</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế giá trị gia tăng	9.779.177.332	17.406.429.363	(22.354.942.532)	4.830.664.163
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.177.120.562	2.283.174.435	(2.874.571.924)	585.723.073
Thuế thu nhập cá nhân	814.685.084	1.053.806.237	(1.439.596.281)	428.895.040
Thuế khác	2.427.503.059	633.139.400	(1.283.537.463)	1.777.104.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.198.486.037</u></b>	<b><u>21.376.549.435</u></b>	<b><u>(27.952.648.200)</u></b>	<b><u>7.622.387.272</u></b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phạt chậm thanh toán	37.029.639.910	37.029.639.910
Chi phí lãi vay	18.981.346.357	28.918.964.311
Chi phí xây dựng	2.348.102.270	2.348.102.270
Khác	1.572.000.000	1.975.232.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>59.931.088.537</u></b>	<b><u>70.271.938.491</u></b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>86.996.387.778</b>	<b>39.613.118.308</b>
Phải trả khác cho các đối tượng khác	86.768.703.178	39.613.118.308
- Cổ tức phải trả	72.151.225.813	27.170.761.724
- Nhận ký quỹ	5.227.000.000	-
- Khác	9.390.477.365	12.442.356.584
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	227.684.600	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.341.233.840</b>	<b>3.820.892.240</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	3.341.233.840	3.820.892.240
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>90.337.621.618</u></b>	<b><u>43.434.010.548</u></b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2018
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>661.721.016.561</b>	<b>67.145.985.100</b>	<b>(315.188.305.851)</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>593.678.695.810</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	396.421.016.561	67.145.985.100	(50.188.305.851)	-	413.378.695.810
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	265.000.000.000	-	(265.000.000.000)	180.000.000.000	180.000.000.000
Vay cá nhân (Thuyết minh số 20.3)	300.000.000	-	-	-	300.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>359.755.293.503</b>	<b>164.975.685.030</b>	<b>(7.000.000)</b>	<b>(180.000.000.000)</b>	<b>344.723.978.533</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	359.755.293.503	164.975.685.030	(7.000.000)	(180.000.000.000)	344.723.978.533
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.021.476.310.064</b>	<b>232.121.670.130</b>	<b>(315.195.305.851)</b>	<b>-</b>	<b>938.402.674.343</b>



## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Hợp đồng vay số 13500/17MN/HĐTĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017	215.000.000.000 VND	Ngày 25 tháng 9 năm 2018	Trả phí sử dụng đất của dự án Tài trợ cho dự án Terra Royal	11,35	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số Long Thới - Nhơn Đức - Nhà Bè (Thuyết minh số 8)</li> <li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 83, Đường Lý Chính Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li> <li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 106 Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li> </ul>
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam</b>					
Hợp đồng vay số 6220-LAV-201700865 ngày 25 tháng 7 năm 2017	68.358.985.000 VND	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2018 đến ngày 5 tháng 4 năm 2019	Phát triển dự án bất động sản và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động	9,3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 20, Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 11)</li> <li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 531, Đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 12)</li> <li>Quyền sử dụng đất tổng diện tích 126.112 m<sup>2</sup> tại Phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li> <li>Quyền sử dụng đất tổng diện tích 25.727 m<sup>2</sup> tại Phường Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li> </ul>

## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Mục đích vay	Lãi suất % p.a.	Hình thức đảm bảo
-------------	--------------------------	------------------------	--------------	-----------------	-------------------

#### Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (tiếp theo)

Hợp đồng vay số 6220-LAV-2015000640/HĐTĐ ngày 25 tháng 6 năm 2015 phụ lục hợp đồng số 6220-LAV-2015000640/PLHĐTĐ/1 ngày 15 tháng 11 năm 2015 và hợp đồng vay số 6220-LAV-2016000690/HĐTĐ ngày 4 tháng 7 năm 2016	50.457.726.010	Từ ngày 2 tháng 7 năm 2018 đến ngày 5 tháng 10 năm 2018	Phát triển dự án bất động sản và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động	9,3	<ul style="list-style-type: none"><li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 20, Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 11)</li><li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 531, Đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 12)</li><li>Quyền sử dụng đất tổng diện tích 126.112 m<sup>2</sup> tại Phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li><li>Quyền sử dụng đất tổng diện tích 25.727 m<sup>2</sup> tại Phường Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li></ul>
--	----------------	---	---	-----	--

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Hợp đồng vay số 01/2017/93512/HĐTĐ	52.645.984.800	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2019 đến ngày 21 tháng 5 năm 2019	Phát triển dự án bất động sản và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động	10,5	<ul style="list-style-type: none"><li>Quyền sử dụng đất tại Phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li><li>Quyền sử dụng đất tại Phường An Phú và Cao ốc An Khang, Đường số 19, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 12)</li><li>Quyền sử dụng đất tại Long Thới - Nhơn Đức - Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li></ul>
------------------------------------	----------------	--	---	------	---

## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Bưu điện Liên Việt</b>					
Hợp đồng vay số HETD5002017260 ngày 29 tháng 6 năm 2017	26.916.000.000	Từ ngày 30 tháng 8 năm 2018 đến ngày 12 tháng 10 năm 2018	Phát triển dự án bất động sản và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động	10,1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 16 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (<i>Thuyết minh số 11</i>)</li> <li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Cao ốc An Khang, Phường An Phú An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (<i>Thuyết minh số 12</i>)</li> </ul>

**TỔNG CỘNG** 413.378.695.810

#### 20.2 Chi tiết khoản vay ngắn hạn dài hạn như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND			%/năm	
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh</b>					
Hợp đồng vay số 2235TT/15/HDTDTDH-DN/068 và số 2236TT/15/HDTDTDH-DN/068 ngày 19 tháng 8 năm 2015	359.748.293.503	Từ ngày 20 tháng 2 năm 2019 đến ngày 24 tháng 8 năm 2019	Tài trợ cho dự án Terra Royal và dự án The Stars Village, Long Thời - Nhà Bè	11 - 11,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bất động sản và quyền khai thác các lợi ích phát sinh từ dự án The Stars Village, Long Thời - Nhà Bè (<i>Thuyết minh số 8</i>)</li> <li>Bất động sản và quyền khai thác các lợi ích từ dự án Terra Royal; và (<i>Thuyết minh số 8</i>)</li> <li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 106 Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (<i>Thuyết minh số 8</i>)</li> </ul>

## Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.2 Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Kỳ hạn và ngày đến hạn	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (tiếp theo)</b>					
Hợp đồng vay số 04660/18MN/HĐTĐ	164.975.685.030	12 tháng 4 năm 2020	Tài trợ cho dự án Terra Royal	11	<ul style="list-style-type: none"><li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Long Thới - Nhơn Đức - Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li><li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất dự án Tera Royal (Thuyết minh số 8)</li><li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 106, Đường Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 8)</li><li>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Intresco Plaza (Số 81A-B, 83, 103 Lý Chính Thắng, và 278A, 280 Nam Kỳ Khởi Nghĩa) (Thuyết minh số 8)</li></ul>

### TỔNG CỘNG

**524.723.978.533**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

180.000.000.000

Vay dài hạn

344.723.978.533

### 20.3 Vay cá nhân

Đây là khoản vay tín chấp với số tiền 300.000.000 VND từ cá nhân cho mục đích tài trợ công tác đền bù đất dự án The Stars Village, Long Thới - Nhà Bè có thời hạn mười hai (12) tháng với lãi suất 14% một năm.

**Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	690.866.880.000	748.683.126.824	(9.825.117.611)	57.548.003.887	-	28.686.730.753	1.515.959.623.853
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	42.665.135.722	42.665.135.722
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(24.687.920.034)	(24.687.920.034)
Trích lập quỹ	-	-	-	1.904.908.149	470.571.611	(3.814.689.358)	(1.439.209.598)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(286.868.000)	(286.868.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	690.866.880.000	748.683.126.824	(9.825.117.611)	59.452.912.036	470.571.611	42.562.389.083	1.532.210.761.943
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	690.866.880.000	748.683.126.824	(9.825.117.611)	59.452.912.036	470.571.611	79.061.231.305	1.568.709.604.165
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	27.545.078.121	27.545.078.121
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(68.646.328.000)	(68.646.328.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	3.958.198.897	-	(3.080.612.223)	877.586.674
Giảm khác	-	-	-	-	-	(791.639.800)	(791.639.800)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	690.866.880.000	748.683.126.824	(9.825.117.611)	63.411.110.933	470.571.611	34.087.729.403	1.527.694.301.160

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu	690.866.880.000	690.866.880.000
Cổ tức công bố	68.646.328.000	24.687.920.034

**21.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	69.086.688	690.866.880.000	69.086.688	690.866.880.000
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.086.688	690.866.880.000	69.086.688	690.866.880.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	440.360	9.825.117.611	440.360	9.825.117.611
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.646.328	681.041.762.389	68.646.328	681.041.762.389

**21.4 Lãi trên cổ phiếu**

Lợi nhuận và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lỗ cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lợi nhuận sau thuế (VND)	27.545.078.121	42.665.135.722
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	68.646.328	68.646.328
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	401	622
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	401	622

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>245.973.585.480</u></b>	<b><u>289.466.039.140</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bất động sản</i>	200.627.012.668	234.170.254.982
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	37.944.765.251	47.594.238.055
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	7.401.807.561	7.701.546.103

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lãi chuyển nhượng vốn từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	8.079.213.232	-
Thu nhập tiền lãi	962.110.147	624.327.410
Cổ tức nhận được	284.183.872	546.650.000
Khác	16.655.725	164.603.026
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.342.162.976</u></b>	<b><u>1.335.580.436</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Giá vốn bất động sản	171.099.205.485	184.890.810.531
Giá vốn cung cấp dịch vụ xây dựng	36.700.685.329	42.419.347.993
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.848.618.205	3.961.269.349
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>210.648.509.019</u></b>	<b><u>231.271.427.873</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	1.674.942.626	462.022.100
Khác	149.527.269	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.824.469.895</u></b>	<b><u>462.022.100</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>3.557.276.384</b>	<b>3.678.396.542</b>
Chi phí hoa hồng bán hàng	3.542.276.384	3.678.396.542
Chi phí khác	15.000.000	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.767.538.814</b>	<b>14.959.468.327</b>
Chi phí lương nhân viên	5.959.583.171	6.797.756.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.217.459.430	3.226.785.319
Chi phí khấu hao	1.233.256.020	1.051.429.554
Chi phí khác	2.357.240.193	3.883.497.216
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.324.815.198</u></b>	<b><u>18.637.864.869</u></b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>8.624.286.614</b>	<b>5.884.095.103</b>
Lãi phạt khách hàng trả chậm hoặc hủy hợp đồng mua bán	5.045.030.341	4.179.121.726
Tiền cho thuê	2.240.081.674	753.562.277
Thu nhập khác	1.339.174.599	951.411.100
<b>Chi phí khác</b>	<b>(6.240.625.403)</b>	<b>(2.890.285.138)</b>
Xóa sổ chi phí dự án Đắc Nông	(5.164.970.451)	-
Tiền thuê	-	(843.367.092)
Chi phí khác	(1.075.654.952)	(2.046.918.046)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>2.383.661.211</u></b>	<b><u>2.993.809.965</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2.283.174.435)	(1.228.548.898)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.877.434.929	894.967.388
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(405.739.506)</b>	<b>(333.581.510)</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.902.887.841</b>	<b>43.691.274.221</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	5.580.577.568	8.738.254.844
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.570.194.056	447.718.373
Khác	349.417.525	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lỗi chuyển sang từ năm trước	(6.998.565.132)	(8.708.259.603)
Cổ tức được nhận	(56.836.774)	(109.330.000)
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(31.993.280)	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(6.800.000)	18.629.800
Chia lãi từ các công ty liên kết	(653.238)	(53.431.904)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>405.739.506</b>	<b>333.581.510</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	8.864.809.215	6.974.363.286	1.890.445.929	903.662.388
Trợ cấp thôi việc phải trả	234.535.000	247.546.000	(13.011.000)	(8.695.000)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>9.099.344.215</b>	<b>7.221.909.286</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>1.877.434.929</b>	<b>894.967.388</b>

**27.4 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 158.846.271.848 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 193.839.097.510 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (**)	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
2014	2019	286,951,493,491	(128,105,221,643)	158,846,271,848

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(\*\*) Số tiền này bao gồm khoản lỗ tính thuế đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 93.112.395.981 VND và khoản lỗ tính thuế đã chuyển lỗ trong kỳ này là 34.992.825.662 VND.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Bình Dương	Công ty liên kết	Trả vốn vay	847.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bắc Trung Nam	Bên liên quan	Doanh thu cho thuê nhà Cổ tức	327.272.728	348.832.085 546.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	Bên liên quan	Chi phí thuê nhà Trả nợ vay Chi phí lãi vay	206.986.000 - -	620.958.000 22.000.000.000 1.380.499.999

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Công ty mua hàng từ bên liên quan theo các điều khoản thông thường theo các hợp đồng đã được ký kết.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu người mua ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	Bên liên quan	Bán mặt bằng	831.610.000	831.610.000
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bắc Trung Nam	Bên liên quan	Bán đất	484.000.000	484.000.000
			<b>1.315.610.000</b>	<b>1.315.610.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Tương lai	Cổ đông lớn	Chi phí thiết kế	12.572.762.755	12.572.762.755
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Bình Dương	Công ty liên kết	Tiền lãi Tạm ứng	1.592.901.607	1.592.901.607
			-	847.000.000
			<b>1.592.901.607</b>	<b>2.439.901.607</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Tương lai	Cổ đông lớn	Chi phí thiết kế	1.560.654.545	1.560.654.545
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	Bên liên quan	Chi phí thuê nhà	227.684.600	-

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thù lao và thưởng	1.926.041.000	1.982.460.000

**29. CAM KẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHI PHÍ ĐẦU TƯ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có khoản cam kết với số tiền là 394.089.789.848 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 296.035.169.100 VND) liên quan đến chi phí phát triển các dự án bất động sản đang xây dựng dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này. Ảnh hưởng của phân loại lại được trình bày sau đây:

VND

Số liệu được trình  
bày trước đây

Phân loại lại Số liệu phân loại lại

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Phải trả ngắn hạn khác	43.434.010.548	(3.820.892.240)	39.613.118.308
Phải trả dài hạn khác	-	3.820.892.240	3.820.892.240

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là đầu tư kinh doanh địa ốc và các dịch vụ có liên quan. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không trình bày.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Phạm Văn Khanh  
Người lập



Đoàn Hữu Chí  
Kế toán trưởng



Trương Minh Thuận  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2018